

Ninh Bình, ngày tháng 4 Năm 2023

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 01/2023

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Sở Xây dựng công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 01/2023 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý I (tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí, thu khác	2.587.000.000	852.709.000	33,0%	
1	Lệ phí	73.000.000	13.950.000	19,1%	
*	Lệ phí cấp phép XD	2.300.000	-	0,0%	
*	Lệ phí cấp chứng chỉ HNHĐXD	70.700.000	13.950.000	19,7%	
2	Phí	2.514.000.000	838.759.000	33,4%	
*	Phí thẩm định đầu tư	2.514.000.000	838.759.000	33,4%	
3	Thu khác	-	-		
*	Thẩm định nhiệm vụ QH	-	-		
II	Số phí, lệ phí, thu khác nộp NSNN	324.400.000	97.825.900	30,2%	
1	Lệ phí	73.000.000	13.950.000	19,1%	
*	Lệ phí cấp phép XD	2.300.000	-	0,0%	
*	Lệ phí cấp chứng chỉ HNHĐXD	70.700.000	13.950.000	19,7%	
2	Phí	251.400.000	83.875.900	33,4%	
*	Phí thẩm định đầu tư	251.400.000	83.875.900	33,4%	
3	Thu khác	-			
*	Phí thẩm định đồ án QH	-			
*	Thu khác	55.000.000		0,0%	
III	Số phí, thu khác được để lại	2.262.600.000	754.883.100	33,4%	
1	Phí	2.262.600.000	754.883.100	33,4%	
*	Phí thẩm định đầu tư	2.262.600.000	754.883.100	33,4%	
2	Thu khác	-			
*	Thẩm định đồ án QH	-			
	Thu khác	-			
IV	Chi từ nguồn thu phí được để lại	2.262.600.000	211.202.000	9,3%	
1	Chi sự nghiệp.....				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý I (tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính	2.262.600.000	211.202.000	9,3%	
*	Chi từ nguồn thu phí được để lại	2.262.600.000	211.202.000	9,3%	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-			
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	24.229.418.000	1.594.124.042	6,6%	
I	Nguồn ngân sách trong nước	24.229.418.000	1.594.124.042	6,6%	
1	Chi quản lý hành chính	10.574.000.000	1.593.794.042	15,1%	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	6.817.000.000	1.581.064.042	23,2%	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	3.757.000.000	12.730.000	0,3%	
1.2.1	Mua sắm	27.000.000	-	0,0%	
1.2.2	Sửa chữa	1.377.000.000	-	0,0%	
*	Sửa chữa xe ô tô	27.000.000		0,0%	
*	sửa chữa nhà làm việc	1.350.000.000		0,0%	
1.2.3	Chi hoạt động đào tạo	69.000.000		0,0%	
1.2.4	Nhiệm vụ đặc thù	2.284.000.000	12.730.000	0,6%	
*	Phòng chống lụt bão	20.000.000	-	0,0%	
*	Trang phục thanh tra	21.000.000	-	0,0%	
*	Kinh phí thực hiện CCHC	40.000.000	-	0,0%	
*	Kinh phí tiếp công dân, xử lý đơn thư	40.000.000	-	0,0%	
*	Duy trì hệ thống ISO 9001:2015	12.000.000	-	0,0%	
	Duy trì phần mềm Quản lý tài sản	2.500.000	2.500.000	100,0%	
*	Duy trì trang Web	43.000.000	9.900.000	23,0%	
*	Tập chí số giá XD	120.000.000	-	0,0%	
*	XĐ đơn giá nhân công XD, lập bảng giá ca máy và thiết bị thi công XD trên địa bàn tỉnh	450.500.000	-	0,0%	
*	Lập bộ đơn giá XD CT trên địa bàn tỉnh	450.000.000	-	0,0%	
*	Lập bộ đơn giá dịch vụ công ích duy trì hệ thống thoát nước đô thị	325.000.000	-	0,0%	
*	Lập đơn giá xây mới nhà cửa vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh	760.000.000	330.000	0,0%	
1.2.5	Chi sự nghiệp kinh tế				
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (Loại 280- Khoản 332)	13.513.418.000	330.000	0,0%	
*	Điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị Ninh Bình đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	4.495.000.000	-	0,0%	
*	Lập hồ sơ cắm mốc giới quy hoạch chung đô thị Ninh Bình	5.400.000.000	-	0,0%	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 1	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý I (tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
*	Điều chỉnh Quy hoạch chung khu du lịch Kênh gà Vân Trình	2.700.000.000	-	0,0%	
*	Lập kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Ninh Bình năm 2023	170.000.000		0,0%	
*	Lập kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021-2025	426.000.000	330.000	0,1%	
*	Kinh phí lựa chọn nhà đầu tư khu Đồng Gạo	322.418.000	-	0,0%	
1.2.6	Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ tỉnh giao	142.000.000	-	0,0%	
*	Kinh phí phổ biến giáo dục pháp luật: Chi thường xuyên không giao tự chủ (Loại 070- Khoản 098)	30.000.000	-	0,0%	
*	Kinh phí thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới Chi thường xuyên không giao tự chủ (Loại 280- Khoản 281 - Mã CTMTQG 0490 - 0502)	50.000.000	-	0,0%	
*	Kinh phí thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển Kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi : Chi thường xuyên không giao tự chủ (Loại 370- Khoản 398- Mã chương trình 0510-0521)	30.000.000	-	0,0%	
*	Kinh phí thuê đường truyền số liệu chuyên dùng cấp II Chi thường xuyên không giao tự chủ (Loại 340-Khoản 341)	32.000.000	-	0,0%	